

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG SÔNG HỒNG
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TÓM TẮT
Quý 3 năm 2009

I. A. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Stt	Nội dung	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ
I	Tài sản ngắn hạn	396,028,834,875	397,052,829,493
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	29,970,528,350	19,066,002,279
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	32,270,000,000	40,390,000,000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	194,481,714,212	214,745,991,611
4	Hàng tồn kho	117,481,653,585	105,442,426,526
5	Tài sản ngắn hạn khác	21,824,938,728	17,408,409,077
II	Tài sản dài hạn	99,963,738,978	116,265,228,996
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	Tài sản cố định	38,858,966,736	59,280,061,599
	- Tài sản cố định hữu hình	22,200,888,527	21,310,049,226
	- Tài sản cố định vô hình		
	- Tài sản cố định thuê tài chính		
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	16,642,568,232	37,941,308,487
3	Bất động sản đầu tư	2,659,090,950	2,659,090,950
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	47,395,000,000	44,545,000,000
5	Tài sản dài hạn khác	11,050,681,292	9,781,076,447
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	495,992,573,853	513,318,058,489
IV	Nợ phải trả	295,061,286,405	298,220,572,575
1	Nợ ngắn hạn	294,766,214,043	297,891,277,518
2	Nợ dài hạn	295,072,362	329,295,057
V	Vốn chủ sở hữu	173,444,812,467	186,880,958,167
1	Vốn chủ sở hữu	170,640,568,441	185,117,788,978
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	150,000,000,000	150,000,000,000
	- Thặng dư vốn cổ phần		
	- Vốn khác của chủ sở hữu		
	- Cổ phiếu quỹ		
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		
	- Quỹ đầu tư phát triển	3,931,718,921	3,931,718,921
	- Quỹ dự phòng tài chính	1,950,859,462	1,950,859,462
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	14,757,990,058	29,235,210,595
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB		
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	2,804,244,026	1,763,169,189
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	2,804,244,026	1,763,169,189
	- Nguồn kinh phí		
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ		
VI	Lợi ích của cổ đông thiểu số	27,486,474,981	28,216,527,747
VII	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	495,992,573,853	513,318,058,489

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Stt	Chỉ tiêu	Kỳ báo cáo	Lũy kế
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	129,449,763,638	294,416,912,199
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	129,449,763,638	294,416,912,199
4	Giá vốn hàng bán	116,957,866,013	260,634,079,705
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	12,491,897,625	33,782,832,494
6	Doanh thu hoạt động tài chính	7,423,284,658	10,791,770,395
7	Chi phí tài chính	-848,347,782	271,894
8	Chi phí bán hàng		
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	4,271,598,563	11,989,959,452
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	16,491,931,502	32,584,371,543
11	Thu nhập khác	434,267,420	1,415,986,174
12	Chi phí khác	1,079,560,203	1,943,283,348
13	Lợi nhuận khác	(645,292,783)	(527,297,174)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	15,846,638,719	32,057,074,369
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp	648,185,501	2,581,272,036
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	15,198,453,218	29,475,802,333
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Đã ký
Nguyễn Hồng Thái